TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2024/DS-ST
Ngày 07-3-2024
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Kim T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp R, xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T Y A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có mặt, anh L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và chị T1 vắng mặt lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Kim T trình bày yêu cầu như sau:

Nguyên trước đây vào ngày 22/12/2020 đến ngày 27/12/2021 thì vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Trần Văn L có đến gặp chị để mua thức ăn gia súc (Cám, thức ăn) và còn nợ lại chị số tiền 82.080.000đ (Tám mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), đến ngày 20/6/2022 thì chị T1 có làm cam kết nhận nợ và hứa hẹn sẽ thanh toán trả nợ làm 03 lần là dứt nợ, tuy nhiên khi đến hẹn trả nợ thì chịđã yêu cầu chị T1 trả nợ nhiều lần nhưng chị T1 không trả mà cứ hứa hẹn nhiều lần. Sau đó chị bắt heo trừ nợ được 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), chị T1 còn nợ lại chị số tiền 75.080.000đ (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Từ đó đến nay chị T1 không trả nợ nữa, nên tôi khởi kiện đơn ra Tòa án.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Bích T1 và anh Trần Văn L trả cho tôi số tiền còn nợ là 75.080.000đ (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), yêu cầu tính lãi suất 10%/năm/số tiền nợ tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn L có ý kiến: Anh L cho rằng trước khi ly hôn vợ chồng anh có nợ chị T số tiền 63.000.000đ, lúc đó có đối chiếu ba bên, sau đó anh và chị T1 ly thân thì anh giao hết lại việc chăn nuôi heo và mua thức ăn gia súc cho chị T1, anh không còn liên quan nên phần nợ thêm thì anh không biết, nay anh L đồng ý trả tiếp số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu chị T là 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị T, nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn anh yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), trả từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi hết, còn về phần lãi thì yêu cầu chị T không tiếp tục tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T yêu cầu chị T1 trả số tiền còn nợ là 43.580.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và đồng ý việc anh L tự nguyện trả số tiền nợ 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn anh L và chị T1 vắng mặt nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thiên ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị T1 được Tòa án triệu tập và tống

đạt hợp lệ làn thứ 02 vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T1 và anh Trần Văn L trả số tiền còn nợ là 75.080.000 (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo Điều 357 và Điều 440 Bộ luật dân sự.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Kim T buộc chị Nguyễn Thị Bích T1 trả cho chị Phạm Kim T số tiền còn nợ là 43.580.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và ghi nhận sự tự nguyện anh L đồng ý trả cho chị Phạm Kim T sô tiền còn nợ 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu chị T1, anh L trả số tiền mua bán thức ăn gia súc nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt, chị T1 vắng mặt lần 02 không lý do do đó vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Kim T yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Bích T1 có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 75.080.000đ (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử thì bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T1 không có trình bày ý kiến hay phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ lập ngày 27/12/2021 và tờ cam kết đề ngày 29/6/2022 thì chị Nguyễn Thị Bích T1 có thừa nhận nợ chị Phạm Kim T số tiền 82.080.000đ (Tám mươi hai triệu không

trăm tám mươi nghìn đồng) và cam kết lần 01 trả 6.400.000đ, lần 02 vào ngày 01/9/2022 âm lịch sẽ trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lần 03 vào ngày 10/11/2022 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và số tiền còn lại trả mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên đến hạn chị T1 có thanh toán cho chị T số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), số tiền còn lại 75.080.000đ chị T1 không thực hiện nên phía nguyên đơn tiếp tục khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T1 trả số tiền 75.080.000đ (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Nguyên đơn chị Phạm Kim T yêu cầu anh Trần Văn L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 75.080.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh L và chị T1 đã ly hôn vào tháng 11 năm 2022, tuy nhiên anh L cho rằng trước khi ly hôn vợ chồng anh có nợ chị T số tiền 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng) tiền thức ăn gia súc, trong quá trình giải quyết vụ án anh L tự nguyện trả ½ số nợ là 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng), phần còn lại 43.580.000đ là do chị T1 có trách nhiệm trả.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh L, chị T1 có nợ tiền mua thức ăn gia súc của chị T số tiền 75.080.000đ là có thật, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn L tự nguyện trả số tiền 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị Phạm Kim T và chị Phạm Kim T cũng thống nhất đồng ý việc anh L trả cho chị số tiền 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với số tiền còn lại là 43.580.000đ thì chị T1 có trách nhiệm trả cho chị Phạm Kim T là phù nợp với các biên nhận nợ có trong hồ sơ vụ án do chị T1 đã ký nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Kim T buộc chị Nguyễn Thị Bích T1 trả cho chị Phạm Kim T số tiền còn nợ là 43.580.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và ghi nhận sự tự nguyện anh L trả cho chị Phạm Kim T sô tiền còn nợ 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Về phần tiền lãi: Do nguyên đơn chị Phạm Kim T yêu cầu nên cần phải xem xét theo quy định pháp luật.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí của vụ án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc cá bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Kim T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T1 và anh Trần Văn L trả số tiền còn nợ là 75.080.000đ (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Bích T1 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Kim T trả số tiền còn nợ là 43.580.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn L tự nguyện trả cho chị Phạm Kim T số tiền 31.500.000đ (Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc Nguyễn Thị Bích T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.580.000đ x 5 % = 2.179.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

Buộc anh Trần Văn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.500.000đ x 5%= 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Phạm Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.877.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008798 ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

3án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm